

# NGHIÊN CỨU NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CHỌN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT CỦA SINH VIÊN

● NGUYỄN THU HÀ

## TÓM TẮT:

Mục đích của nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ tác động của chúng đến quyết định chọn Trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên. Mô hình nghiên cứu gồm 5 nhân tố được đề xuất dựa trên việc phân tích, đánh giá, tổng hợp nhiều công trình khoa học có liên quan trong và ngoài nước, kết hợp với phỏng vấn nhóm tập trung. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát gần 500 sinh viên đang theo học tại các Khoa của nhà Trường. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có 3/5 nhân tố tác động mạnh quyết định chọn Trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên, mức độ tác động được sắp xếp theo thứ tự từ mạnh đến yếu là Danh tiếng trường đại học; Cá nhân người học; Thông tin nhận được từ trường đại học. Ngoài ra, kết quả này cũng là nguồn tham khảo hữu ích giúp cho Nhà trường có thêm cơ sở để xây dựng các chiến lược tuyển sinh cũng như triển khai các hoạt động truyền thông quảng bá về Trường trong thời gian tới.

**Từ khóa:** quyết định chọn trường đại học, sinh viên, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

## 1. Đặt vấn đề

Cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đang là xu thế toàn cầu và được dự báo là sẽ tăng tốc trong những năm tới. Cách mạng công nghệ 4.0 đã và đang tạo ra áp lực cạnh tranh mạnh mẽ ở tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong đó có giáo dục, nhất là giáo dục đại học bởi đây là cái nôi cung cấp nguồn lực chất lượng cho mọi thành phần kinh tế. Trước những thách thức của sự đổi mới và hướng tới mục tiêu tạo điều kiện cho các trường có thể tự xây dựng cơ chế, chính sách linh hoạt trong công tác đào tạo, Bộ Giáo dục đã chủ trương trao quyền tự chủ cho các trường. Đây có thể coi là bước đi quyết đoán

trong công tác quản lý giáo dục của Nhà nước tạo động lực thúc đẩy các trường đại học năng động, sáng tạo và hoạt động hiệu quả hơn. Ngược lại, cơ chế tự chủ cũng tạo cho các trường không ít áp lực, nhất là các trường phải tự chủ nguồn thu chi cho các hoạt động của mình. Khi nguồn thu của các trường chủ yếu là từ học phí, thì đồng nghĩa với việc hoạt động của các trường phụ thuộc rất nhiều vào lượng thí sinh tuyển được hàng năm. Qua đó cho thấy công tác tuyển sinh ngày càng quan trọng và được các trường đại học quan tâm, đầu tư mạnh mẽ và tuyển sinh trở thành cuộc cạnh tranh giữa các trường đại học hiện nay.

Về phía Trường Đại học Mở - Địa chất, công tác tuyển sinh vài năm gần đây của Nhà trường đã có những tín hiệu đáng mừng khi số lượng sinh viên nhập học tiếp tục tăng qua các năm. Tuy nhiên, theo số liệu khảo sát sơ bộ, tỷ lệ nhập học theo nguyện vọng 1 không cao, kể cả những khoa có đông sinh viên như Kinh tế - QTKD và Công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, các ngành nghề đào tạo kỹ thuật của Trường có số lượng sinh viên nhập học vẫn khá thấp. Từ đó, nhận thấy Trường Đại học Mở - Địa chất không nằm ở vị trí được ưu tiên lựa chọn của sinh viên, sức hút của một số ngành đào tạo đang ngày càng giảm sút. Một số sinh viên khi được hỏi đã trả lời biết rất ít thông tin về trường, đặc biệt là không biết trường có đào tạo những ngành nghề mà bản thân đang mong muốn được học. Thực tế, trong quá trình đào tạo, Trường đã tổ chức khá nhiều các cuộc khảo sát để đánh giá chất lượng công tác đào tạo, chất lượng cơ sở vật chất và điều kiện phục vụ giảng dạy - học tập hay khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp để đánh giá mức độ đáp ứng của sản phẩm đào tạo đối với nhu cầu nhân lực thực tế. Tuy nhiên, cũng cần phải có một nghiên cứu đầu vào của quá trình đào tạo để biết được ý định chọn Trường của sinh viên là gì? Mức độ tác động của các nhân tố đó đối với bản thân sinh viên trong quá trình tìm kiếm và lựa chọn trường đại học. Đồng thời hiểu được sinh viên mong muốn thu nhận được những gì trước, trong và sau quá trình học tập tại trường. Nếu các khúc mắc đó được làm rõ sẽ giúp nhà Trường có những giải pháp mới nhằm thu hút người học tốt hơn trong thời gian tới. Do vậy, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên thực sự là cần thiết đối với cả Nhà trường và người học.

## **2. Mô hình nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

### **2.1. Mô hình nghiên cứu**

Việc đo lường, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh/sinh viên đã được rất nhiều các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu. Trong phạm vi đề tài này, tác giả tổng hợp các nhân tố chủ yếu thường được sử dụng để đo lường mức độ ảnh

hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh/sinh viên gồm:

(1) Nhóm yếu tố về điều kiện học tập tại các trường đại học (vị trí địa lý, cơ sở vật chất, chất lượng nguồn lực, bầu không khí học tập, hoạt động hỗ trợ học tập...).

(2) Nhóm yếu tố thuộc về bản thân người học (năng lực học ở THPT, sở thích, giới tính, phong cách, lối sống, điểm thi...).

(3) Kỳ vọng sau khi tốt nghiệp (bằng cấp, chuyên môn, cơ hội việc làm, thu nhập...).

(4) Thông tin mà học sinh/sinh viên nhận được từ các trường đại học.

(5) Danh tiếng trường đại học (danh tiếng và uy tín trong và ngoài nước, sự ưu tiên về bằng cấp của các nhà tuyển dụng...).

(6) Chương trình đào tạo (sự đa dạng ngành nghề, có ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu, các chương trình đào tạo quốc tế...).

(7) Mức học phí, học bổng.

(8) Điểm chuẩn của trường đại học.

(9) Nhóm tham khảo (lời khuyên của gia đình, bạn bè, thầy cô, hội nhóm...).

Từ kết quả tổng hợp trên, kết hợp với thảo luận nhóm nhỏ đối với sinh viên của Trường Đại học Mở - Địa chất, tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu với 6 nhân tố ảnh hưởng: (1) Điều kiện học tập; (2) Nhóm yếu tố Cá Nhân, (3) Nhóm tham khảo; (4) Thông tin từ trường đại học; (5) Mức học phí; (6) Danh tiếng trường đại học. Nhân tố liên quan đến chương trình đào tạo sẽ được đưa vào thang đo Điều kiện học tập và sẽ được giải thích, làm rõ thông qua việc xây dựng các biến quan sát cho thang đo này. (Hình 1)

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**Phương pháp phân tích:** Để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định chọn Trường Đại học Mở - Địa chất của người học, đề tài sử dụng thang đo likert 5 mức độ. Việc phân tích số liệu được thực hiện với sự hỗ trợ phần mềm thống kê SPSS 20. Quá trình phân tích được thực hiện thông qua 3 bước là: Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha; Phân tích nhân tố khám phá EFA và Phân tích mô hình hồi quy tuyến tính bội

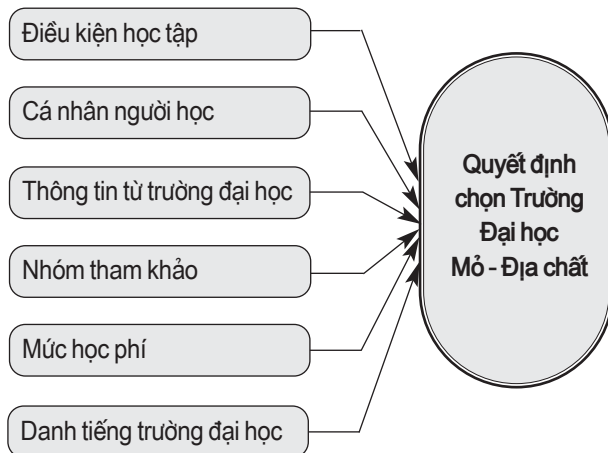
**Phương pháp thu thập số liệu:** Về kích thước mẫu phù hợp, theo Hair và các cộng sự (2006) con

**Bảng 1. Bảng tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng chính trong các nghiên cứu có liên quan đến đề tài**

| TT | Các nghiên cứu            | Nhân tố ảnh hưởng |   |   |   |   |   |   |   |   |
|----|---------------------------|-------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
|    |                           | 1                 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 1  | Chapman, 1981             | x                 | x |   | x |   | x |   |   | x |
| 2  | Joseph, 1998, 2000        | x                 |   | x | x | x | x | x |   |   |
| 3  | Karl Wangner, 2009        | x                 |   |   | x | x | x | x |   | x |
| 4  | Soutar và Turner, 2002    | x                 |   | x |   | x | x |   |   |   |
| 5  | Koe.W và Saring.S, 2013   | x                 |   |   | x |   | x | x |   | x |
| 6  | T.V. Quí và C.H.Thi, 2009 | x                 | x | x | x |   |   |   |   | x |
| 7  | Nguyễn Minh Hà, 2011      |                   | x | x | x |   | x |   | x |   |
| 8  | Đỗ Thị Hồng Liên, 2015    |                   |   |   | x | x | x | x |   | x |
| 9  | Nguyễn Phương Mai, 2015   | x                 | x |   | x | x |   | x |   | X |
| 10 | Nguyễn Thị Kim Chi, 2018  | x                 | x |   | x | x |   | x |   | x |

*Nguồn: Số liệu tác giả tập hợp*

**Hình 1: Mô hình nghiên cứu của đề tài do tác giả đề xuất**



số tối thiểu cho các nghiên cứu sử dụng phân tích nhân là 50, tốt hơn là 100 và tỷ lệ số biến quan sát/biến đo lường là 5/1, nghĩa là cứ mỗi biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát. Mô hình nghiên cứu của đề tài gồm 5 nhân tố độc lập và 1 nhân tố phụ thuộc với tổng là 35 biến quan sát thì số mẫu tối thiểu cần có là  $35 \times 5 = 175$  mẫu. Dựa vào điều kiện thực tế về thời gian, nguồn lực, tác giả quyết định lựa chọn kích thước mẫu sẽ đưa vào phân tích là 487 sau khi đã loại bỏ những phản hồi không đủ điều kiện (thiếu thông tin cá nhân, trả lời không đầy đủ, thông tin trả lời không đủ độ tin cậy)

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Qua số liệu nghiên cứu cho thấy, với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phi xác suất, sử dụng hình thức khảo sát offline kết hợp online thì trong 487 mẫu đưa vào phân tích cho thấy tỷ lệ phản hồi theo giới tính là tương đối cân bằng (nam 59,5% và nữ 40,5%). Số lượng sinh viên tham gia khảo sát có hộ khẩu thường trú ở Hà Nội chiếm tỷ trọng cao (67,4%) ngoài Hà Nội chiếm (31,2%). Kết quả dự báo quyết định chọn Trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên có thể bị chi phối bởi yếu tố vị trí địa lý. Do Khoa Kinh tế - QTKD và Khoa Công nghệ Thông tin có số lượng sinh viên theo học lớn nên tỷ lệ mẫu nghiên cứu của 2 khoa này chiếm tỷ trọng cao hơn (lần lượt là 37,2% và 17,2%). Mặc dù vậy, đối tượng khảo sát vẫn phân bố đều ở tất cả các Khoa nên vẫn đảm bảo tính đại diện của mẫu. Sinh viên tham gia khảo sát tập trung nhiều vào năm thứ nhất (58,7%) và thứ hai (26,3%), vì sinh viên dễ dàng hồi tưởng lại những gì mình đã làm trong quá trình đưa ra quyết định lựa chọn Trường Đại học Mỏ - Địa chất hơn so với những sinh viên năm ba và năm tư (sinh viên đã có quá trình học tập tương đối dài và bị ảnh hưởng nhiều bởi các điều kiện học tập tại trường nên các lựa chọn có thể cảm tính và thiếu khách quan).

### 3.2. Kiểm định Cronbach's Alpha

Kiểm định độ tin cậy của thang đo lần 1 cho thấy Cronbach's Alpha của ĐH=0,797; TK=0,873; TT=0,932; HP=0,847; DT=0,816; YĐ=0,872 đều lớn hơn 0,6 nhưng biến quan sát ĐH3 và ĐH4 lại có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) < 0,3 thể hiện hai biến quan sát này không tốt và có mối tương quan yếu với các biến còn lại nên bị loại. Tiến hành kiểm định lần 2 sau khi loại biến, hệ số Cronbach's Alpha của thang đo ĐH=0,850. Kết quả cuối cùng cho thấy, các nhân tố đều thỏa mãn các điều kiện Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6 và hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 đồng nghĩa với việc các thang đo có độ tin cậy cao, các biến quan sát giải thích tốt cho các nhân tố.

### 3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Tiến hành phân tích nhân tố khám phá lần 1 với 30 biến quan sát của 5 thang đo độc lập cho thấy hệ số Hệ số KMO = 0,894 > 0,5, sig Barletts Test = 0,000 < 0,05, theo 2 tiêu chí này thì việc phân tích nhân tố là phù hợp. Tuy nhiên, có các biến quan sát ĐH9, DT6, CN2 xuất hiện hệ số tải Factor loading ở 2 nhân tố và có độ chênh lệch < 0,3 nên bị loại. Các biến còn lại có sự sắp xếp lại thành 5 nhân tố đặt tên lại như sau:

Nhóm 1- Điều kiện học tập gồm ĐH1, ĐH2, ĐH5, ĐH6, ĐH7, ĐH8

Nhóm 2 – Cá nhân người học gồm HP3, HP4, HP2, CN3, CN4, HP1, CN1

Nhóm 3 – Nhóm tham khảo gồm: TK1, TK2, TK3, TK4, TK5

Nhóm 4- Nhóm Thông tin nhận được từ trường đại học gồm TT1, TT2, TT3, TT4, TT5, TT6, TT7

Nhóm 5 – Danh tiếng trường đại học gồm: DT1, DT2, DT3, DT4, DT5

Tiến hành kiểm định lần 2 với 5 nhân tố mới cho kết quả đạt yêu cầu và không có biến nào bị loại. (Bảng 2).

Dựa vào tiêu chí eigenvalue lớn hơn 1, toàn bộ 5 nhân tố này tóm tắt thông tin của 27 biến quan sát đưa vào EFA một cách tốt nhất. Tổng phương sai trích là 62,398% > 50% nghĩa là 5 nhân tố này giải thích được 62,398% sự biến thiên dữ liệu của biến quan sát tham gia vào EFA.

Tương tự kết quả phân tích nhân tố khám phá đối với biến phụ thuộc cho kết quả Hệ số KMO =

**Bảng 2. Bảng phân tích KMO và Bartlett's Test đối với thang đo độc lập**

|                                                  |                    |           |
|--------------------------------------------------|--------------------|-----------|
| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. |                    | .894      |
| Bartlett's Test of Sphericity                    | Approx. Chi-Square | 13020.032 |
|                                                  | df                 | 435       |
|                                                  | Sig.               | .000      |

*Nguồn: Tác giả xử lý số liệu*

0,788 > 0,5, sig Barletts Test = 0,000 < 0,05. Đồng thời có một nhân tố được trích tại eigenvalue bằng 2,821 > 1. Nhân tố này giải thích được 70,514% biến thiên dữ liệu của 4 biến quan sát tham gia vào phân tích EFA. Kết quả ma trận xoay cho thấy, 27 biến quan sát đều có độ hội tụ và được phân thành 5 nhóm phù hợp với mô hình nghiên cứu ban đầu tác giả đề xuất, tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố Factor Loading lớn hơn 0.5 và không có các biến xấu

### 3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính cho thấy giá trị R<sup>2</sup> hiệu chỉnh bằng 0,553 > 0,5 cho biết mô hình hồi quy là tốt và các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng 55,3% sự biến thiên của biến phục thuộc, còn lại 44,7%. Kiểm định sự phù hợp của mô hình thông qua phân tích phương sai ANOVA cho thấy giá trị thống kê F=120,770 và Sig=0,00 < 0,05 điều này cho biết mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và sử dụng được cho nghiên cứu này. (Bảng 3)

Khi xem xét mức độ tác động của các nhân tố độc lập đến nhân tố phục thuộc qua phân tích hồi quy cho thấy chỉ có 3/5 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên là Thông tin từ trường đại học; Cá nhân người học và Danh tiếng trường do có giá trị Sig < 0,05 hai biến là Điều kiện học tập và Nhóm tham khảo không có sự tác động hoặc tác động không đáng kể đến quyết định chọn trường của sinh viên (giá trị Sig > 0,05) nên bị loại khỏi mô hình. Phương trình hồi quy được rút ra từ kết quả nghiên cứu như sau:

$$YĐ = 0,182 + 0,205*TT + 0,322*CN + 0,455*DT + e$$

**Bảng 3. Kết quả hồi quy tuyến tính bội**

| Model Summary <sup>b</sup> |                   |          |                   |                            |               |  |  |  |
|----------------------------|-------------------|----------|-------------------|----------------------------|---------------|--|--|--|
| Model                      | R                 | R Square | Adjusted R Square | Std. Error of the Estimate | Durbin-Watson |  |  |  |
| 1                          | ,746 <sup>a</sup> | 0,557    | 0,553             | 0,52548                    | 1,938         |  |  |  |

| ANOVA <sup>a</sup> |                |         |             |        |         |                   |
|--------------------|----------------|---------|-------------|--------|---------|-------------------|
| Model              | Sum of Squares | df      | Mean Square | F      | Sig.    |                   |
| 1                  | Regression     | 166,753 | 5           | 33,351 | 120,779 | ,000 <sup>b</sup> |
|                    | Residual       | 132,542 | 480         | 0,276  |         |                   |
|                    | Total          | 299,294 | 485         |        |         |                   |

| Coefficients <sup>a</sup> |            |                             |            |                           |       |      |                         |       |
|---------------------------|------------|-----------------------------|------------|---------------------------|-------|------|-------------------------|-------|
| Model                     |            | Unstandardized Coefficients |            | Standardized Coefficients | t     | Sig. | Collinearity Statistics |       |
|                           |            | B                           | Std. Error | Beta                      |       |      | Tolerance               | VIF   |
| 1                         | (Constant) | 0,182                       | 0,139      |                           | 1,312 | 0,19 |                         |       |
|                           | HĐ         | ,038                        | ,040       | ,036                      | ,939  | ,348 | ,716                    | 1,396 |
|                           | TK         | ,013                        | ,029       | ,015                      | ,449  | ,654 | ,877                    | 1,140 |
|                           | TT         | ,205                        | ,043       | ,174                      | 4,784 | ,000 | ,787                    | 1,270 |
|                           | HP         | ,322                        | ,039       | ,337                      | 8,173 | ,000 | ,615                    | 1,626 |
|                           | DT         | ,455                        | ,053       | ,340                      | 8,647 | ,000 | ,678                    | 1,475 |

#### 4. Kết luận và hàm ý

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên gồm 3 yếu tố và mức độ ảnh hưởng của chúng được sắp xếp theo trình tự giảm dần là: Danh tiếng trường đại học ( $\beta = 0,455$ ), Cá nhân người học ( $\beta = 0,322$ ), Thông tin nhận được từ trường đại học ( $\beta = 0,205$ ). Các nhân tố tác động này cũng trùng với kết quả nghiên cứu của một số tác giả như Chapman (1981); Joshep (1998, 2000); Karlid Wangner (2009); Nguyễn Thị Kim Chi (2018); Nguyễn Phương Mai (2015) vì thế có thể khẳng định kết quả nghiên cứu là đáng tin cậy. Cụ thể:

Về yếu tố “Danh tiếng trường đại học”, đây là yếu tố tác động mạnh nhất đến ý định chọn trường không chỉ của sinh viên Đại học Mở - Địa chất mà rất nhiều học sinh/sinh viên hiện nay. Hầu hết học

sinh sẽ ưu tiên những trường có thương hiệu, được nhiều người biết đến trước tiên sau đó mới xem xét đến các yếu tố khác để có quyết định cuối cùng về việc chọn trường đại học nào. Trong thang đo này, những yếu tố sinh viên đại học Mở - Địa chất đánh giá cao là: Trường có danh tiếng tốt về lĩnh vực đào tạo (mean=3,46); Danh tiếng đội ngũ giảng viên (mean=3,57) nhưng lại có quan điểm tương đối trung lập về mức độ nổi tiếng và yêu thích (mean=2,93) cũng như giá trị bằng tốt nghiệp của Trường trong tuyển dụng (mean=2,93). Đây cũng là những gợi ý để Nhà trường có những giải pháp nâng cao danh tiếng nhằm thu hút được nhiều học sinh đăng ký theo học hơn trong tương lai

Yếu tố động mạnh thứ hai đến quyết định chọn Trường Đại học Mở - Địa chất của sinh viên là “Cá nhân người học”, nhóm này là sự kết hợp của quan điểm cá nhân người học khi chọn trường Đại

học Mỏ - Địa chất và sự phù hợp của mức học phí hiện tại. Hầu hết sinh viên đều cho rằng mức học phí của nhà Trường hiện nay là phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình của các em ( $\text{mean}=3,21$ ), có sự ổn định qua các năm ( $\text{mean}=3,47$ ) tương xứng với điều kiện học tập ( $\text{mean}=3,52$ ) và so với nhiều trường khác trong cùng phân khúc thì học phí của Đại học Mỏ - Địa chất là dễ chấp nhận hơn ( $\text{mean}=3,59$ ). Tuy nhiên khi xem xét quan điểm cá nhân người học về quyết định chọn trường nhiều sinh viên tỏ quan điểm rằng ngành nghề đang học chưa thực sự phù hợp với sở thích của các em (nhất là khối kỹ thuật) ( $\text{mean} = 2,89$ ) và việc quyết định chọn trường Đại học Mỏ - Địa chất là do có mức điểm xét tuyển đầu vào phù hợp với kết quả thi tuyển ( $\text{mean}=3,85$ ). Khi được hỏi về việc có trải nghiệm cá nhân khi theo học tại Trường thì hầu hết sinh viên đều hài lòng với môi trường học tập tại Đại học Mỏ - Địa chất ( $\text{mean}=3,68$ ). Điều này cho thấy, Trường Đại học Mỏ - Địa chất hoàn toàn đáp ứng được tốt nhu cầu mong muốn của người học.

Yếu tố tác động mạnh thứ hai là “Thông tin từ trường đại học”. Kết quả nghiên cứu cho thấy các hoạt động truyền thông quảng bá của trường hiện nay khá hiệu quả và tác động đáng kể đến ý định chọn Trường đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên. Qua khảo sát thì sinh viên nhà Trường có xu hướng

đánh giá cao mức độ hữu ích về các nguồn thông tin qua 2 kênh là: Thông tin về Trường qua website, diễn đàn và mạng xã hội; Thông tin về Trường qua các phương tiện thông tin đại chúng (Báo, đài, truyền hình...). Rõ ràng, trong điều kiện bùng nổ của công nghệ 4.0 như hiện nay thì những kênh truyền thông trên nền tảng trực tuyến đang là những công cụ mạng lại hiệu quả cao hơn so với những kênh truyền thông truyền thống trước đây. Vì vậy, nhà Trường cần lưu ý đến tác động của sự thông tin này để tăng cường đưa thông tin quảng bá giới thiệu về Ngành nghề đào tạo, về Trường trên các phương tiện truyền thông trực tuyến. Bên cạnh đó, Trường cũng không nên bỏ qua các kênh truyền thông offline như trực tiếp tư vấn tuyển sinh lại các trường THPT hay tham gia các chương trình Tư vấn tuyển sinh, hướng nghiệp do các Ban, Ngành, địa phương tổ chức hàng năm....

Tóm lại, kết quả phân tích cho thấy có ba nhóm nhân tố chính ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học Mỏ - Địa chất của sinh viên là: Danh tiếng trường đại học; Cá nhân người học, Thông tin từ trường đại học. Dựa vào kết quả phân tích trên, Nhà trường cần có những chiến lược phù hợp với xu hướng chọn trường của sinh viên trên cơ sở đó có những giải pháp tốt nhằm nâng cao hiệu quả tư vấn tuyển sinh trong thời gian tới ■

**Lời cảm ơn:**

**Bài báo được hoàn thành dưới sự hỗ trợ từ đề tài nghiên cứu cấp cơ sở mã số T22-33 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

**Tiếng Việt**

1. Trần Văn Quý, Cao Hào Thi (2009). Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường đại học của học sinh trung học phổ thông. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*. Tr 87-102.
2. Nguyễn Phương Mai (2015). *Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Tài chính - Marketing của sinh viên*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Tài chính - Marketing.
3. Nguyễn Thị Kim Chi (2018). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn trường đại học của học sinh phổ thông trung học - Trường hợp Hà Nội*. Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

**Tiếng Anh**

1. Chapman D.W, (1981). A model of student college choice. *The Journal of Higher & Education*.
2. Joshep, M&Joshep, B.(1998). Identifying Needs of Potential Students in Tertiary Education for Strategy Development. *Quality Assurance in Education*, 6, 90-96.

3. Joseph, M. & Joseph, B. (2000). Indonesian Students' Perceptions of Choice Criteria in Selection of a Tertiary Institution: Strategic Implications. *International Journal of Educational Management*, 14(1), 40-44.
4. Karl Wagner et al (2009). Factors Influencing Malaysian Students Intention to Study at a HEI, Available at: <http://www.gcasa.com/PDF/malaysia/Wagner-Fard.pdf>
5. Koe & Saring (2012). Factors Influencing the Foreign Undergraduates Intention to Study at School of a Public University. *Jurnal Kemanusiaan*, 19, 57-68.
6. Soutar, G.N. and Turner, J.P. (2002). Students preferences for university: A conjoint analysis. *The International Journal of Educational Management*, 16(1), 40.

**Ngày nhận bài: 5/9/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/10/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 12/10/2022**

*Thông tin tác giả:*

**NGUYỄN THU HÀ**

**Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

## ANALYZING FACTORS AFFECTING THE DECISION OF STUDENTS TO APPLY TO HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

● **NGUYEN THU HA**

Hanoi University of Mining and Geology

### **ABSTRACT:**

This study is to determine the factors affecting the decision of students to apply to Hanoi University of Mining and Geology and assesses the impact level of these factors. The study's proposed research model consists of five factors and this model is based on analysis, evaluation and synthesis of many relevant domestic and foreign scientific works with group interviews. The study's data is collected from about 500 students of the university. The study finds out that 3 out of 5 factors of the proposed research model strongly affect the decision of students to apply to the university. These factors, listed in the descending order of impact level, are Reputation of the university, Information from the university and Individual learners. This study is expected to help Hanoi University of Mining and Geology better develop its enrollment strategies and implement communication activities about the university in the coming time.

**Keywords:** the decision of choosing a university, student, Hanoi University of Mining and Geology.